

Tề thiên đại thánh và Kinh vô tự dưới con mắt Kim Định.

Lê Hùng, Bruxelles.

Vài lời nói rõ.

Cụm từ Tề thiên đại thánh quá quen thuộc với chúng ta, từ người bình dân đến hàng thức gia. Hễ nhắc đến danh hiệu Tề thiên đại thánh thì nhiều người cảm chắc nịch rằng bài này nói chuyện con Khi trong Tây du ký, một siêu nhân làm cận vệ, có một không hai, của pháp sư Huyền Trang đời nhà Đường bên Tàu đi thỉnh kinh Phật. Thực ra bài này người viết không có chủ ý như vậy, mà viết bài này, trước hết là muốn mời người đọc hiểu chuyện một vị linh mục Thiên chúa giáo từng cổ xúy chúng ta nên đọc Kinh Vô tự (Bible sans écriture) và sau đó tìm hiểu thêm về triết lý An vi mà chính vị linh mục đó, có tên húy là Lương kim Định, đã cố công khai phá.

Khác với kinh sách của mọi tôn giáo khác, kể cả Thiên chúa giáo, Bà la môn giáo, Phật giáo, và Hồi giáo, *Kinh Vô Tự là một loại kinh sách biểu tượng, không chép thành chữ, không có lời thiên khai hay tiên tri, không có văn từ luận bàn hay tán tụng, mà toàn loại biểu tượng (symboles) được xếp vào loại kinh An vi.* Nghĩa là khi đọc quyển kinh này tư duy trong tâm thức con người được xuôi chảy trọn vẹn một mạch từ đầu đến cuối không có gì ngăn cản, bởi lẽ biểu tượng là ý thức (conscient) thường nghiệm, đưa con đầu lòng của tiềm thức (subconscient) còn gọi là lương tri công cảm siêu hình. Theo Kim Định, tâm hồn và ý thức thường nghiệm của con người, xưa nay đã bị ràng buộc bởi kinh điển giáo điều như trong các kinh sách đã sao chép lại (Thiên chúa giáo, Hồi giáo) hoặc là do sự diễn giải của những nhà thông thái có một cái nhìn vũ trụ quan riêng biệt (Phật giáo, Lão giáo); do đó dòng suối tư duy con người thường bị uy hiếp, thường bị những phe phái kinh điển và tư duy chận đường để cướp giật !. Chính vì cái kiểu ông nói gà bà nói vịt từ trước đến nay đã chia đoàn lũ thành phe phái, nảy sinh ra những tư duy đối chọi nhau, dẫn dắt nhân loại hôm nay đang lao đầu vào cảnh chết chóc.

Kim Định căn cứ vào bộ tiểu thuyết Tây du ký của Ngô thừa Ân để làm luận đề cho một nhân sinh quan hài hòa giữa hai thái cực : Hữu Vi ti tiện quá thấp và Vô Vi siêu niệm quá cao. Kim Định đã đọc được Kinh Vô tự lần danh trong Tây du ký, một loại hiền kinh (bible de sagesse) tuy không viết thành văn, mà rất đầy đủ làm cứu cánh hạnh phúc cho nhân quần xã hội. Kim Định khuyên chúng ta nên học Kinh vô tự, vì trong đó mọi người đọc sẽ thấy rõ hai cứ điểm nghịch chiều Hữu và Vô, đã bao phen làm cho tư duy con người chao đảo, các đoàn lũ cố dày xéo lẫn nhau. Nguy hiểm ! Luận đề mà Kim Định lấy ra từ Kinh vô tự là « cao giả ức chi, hạ giả cứ chí » (càng đưa lên cao thì càng bị đẩy xuống, càng bị chìm thấp thì càng được nâng lên), một đạo xử thế quân phân, như nhân sinh quan đề ra trong triết lý An Vi. Trước khi chúng ta xem linh mục Kim Định đã đọc Kinh vô tự ra sao, thử cùng nhau lướt qua cốt truyện.

Cốt truyện Tây du ký.

Cần nói rõ thêm về sự trùng hợp ngẫu nhiên trong cụm từ Tây du ký giữa Ngô thừa Ân và các tác giả khác, cả Tàu lẫn Việt, là vì cùng một câu chuyện nói về ngài Tam Tạng tức là Pháp sư Huyền Trang đi thỉnh kinh Phật bên Ấn độ. Thực ra, tác giả Ngô thừa Ân viết Tây du ký với

dụng ý gửi gắm vào đây những tư duy cá biệt có điều tốt cho nhân quần xã hội, và quyền tiểu thuyết chỉ là cái móc dùng làm khung treo áo mà thôi, do đó nhân vật trong sách đều là tưởng tượng. Còn những sách ghi chép có dính dáng đến Tây du ký khác đều thuộc về lịch sử, nghĩa là có xuất xứ, có không gian và thời gian trong lịch sử. Mặt khác, truyện Tây du ký Ngô thừa Ân mang ả ý văn hoá của người thức giả hơn là nhà văn viết ký sự lịch sử, do đó người đọc nên hiểu rằng cuộc hành hương từ Tàu sang Ấn độ tức là từ hướng Đông đi về hướng Tây. Chính đây là sự trùng hợp ngẫu nhiên giữa các bộ Tây du ký mang ý nghĩa ký sự cuộc viễn du của thánh trên đường đi về hướng tây.

Ngoài ra còn có sự trùng hợp về tên họ của nhân vật Tam Tạng, tức là Đường Tăng hay pháp sư Huyền Không. Trong tập Tây du ký của tác giả Ngô thừa Ân thì Tam Tạng đóng nhân vật phụ, ngài chỉ là một đại diện con người tôn giáo, còn trong Tây du ký của các tác giả khác, thì nhân vật Tam Tạng tức là pháp sư Huyền Không mang trọng trách một nhân vật chính. Ngài là con người đại diện cho Phật giáo, thuộc về lịch sử, nghĩa là một con người có xuất xứ, nói nôm na là con người có gia phả. Đây là vị pháp sư được ca tụng trong giới nhà Phật, cả Tàu lẫn Việt, vì công đức phật pháp cực kỳ to lớn trong thời kỳ đạo Phật mới được truyền vào Tàu và Việt nam từ thế kỷ thứ 7 sau dương lịch. Còn đức Tam Tạng tức là pháp sư Huyền Không, một nhân vật trong bộ Tây du ký của Ngô thừa Ân là con người hoàn toàn không có xuất xứ. Đây là con người tưởng tượng của tác giả, một nét biểu hiệu văn hoá mà tôi sẽ bàn ở phần sau.

Vậy xin độc giả hiểu rằng bài luận này cốt để giới thiệu một vị linh mục thiên chúa giáo có một cái nhìn khác thường sau khi đọc bộ sách Tây du ký của Ngô thừa Ân. Khác với lối văn của các tác giả Tây du ký xưa nay, Ngô thừa Ân dùng lối văn trào lộng, khi thì tỏ ra quá cung kính với bọn phàm phu tục tử (yêu ma quỷ quái), khi thì khinh dễ miệt thị với những vương hầu bá tước (triều đình, thượng giới), khi thì tội nghiệp cho người đạo đức tu hành (Phật giáo). Ngoài những ả ý đó, tác giả Ngô thừa Ân còn muốn đưa ra một nhân sinh quan mới, mà Kim Định đã khám phá được và cho rằng trùng hợp với triết lý An vi. Đây là điểm chính mà tôi xin nêu ra để cùng độc giả luận bàn.

Thật vậy, Tây du ký của tác giả Ngô thừa Ân là một bộ tiểu thuyết thần thoại ghi lại câu chuyện một con khỉ phi thường, họ Tôn tên Ngô Không, đã giúp Tam Tạng, một pháp sư đời Đường (618 - 907) hành hương qua Thiên Trúc thỉnh kinh Phật. Trên con đường trùng trùng điệp điệp này, cả hai thầy trò bị yêu ma quỷ quái chặn đường đe dọa, nhưng nhờ tài nghệ của Ngô Không nên cuộc hành hương đã thành công mỹ mãn. Đó là lược đồ mà bất cứ người đọc nào cũng rõ, cũng biết rằng quyển truyện toàn chứa những Yêu, Ma, Tiên, Phật, những hình thù trong dáng người, nhưng mặt mũi là lục súc, đã có đầy dẫy dưới hạ thế trần gian. Tất cả các nhân vật đều được lồng dưới ngòi viết tài ba của Ngô thừa Ân trong phần văn chương loại tiểu thuyết, khi dí dỏm, khi nghiêm trang, lúc thất vào thì hồi hộp gay cân, lúc mở ra thì vui nhộn tài tình, làm cho người đọc càng thêm lý thú theo dõi cuộc hành hương của các môn sinh đi thỉnh kinh Phật. Đây là bộ tiểu thuyết đáng được liệt vào hàng tứ đại kỳ thư trong văn đàn Trung hoa về lối kể truyện. Nhưng điều chúng ta cần chú ý và đáng ghi nhận là những ả ý nhân sinh quan của tác giả. Đó là tính chất trào phúng, phong cách văn hóa và một nền triết lý rất lâu đời của người Đông phương.

Ả ý Trào phúng.

Trào phúng là nét văn hoá căn bản thường thấy trong lối xử thế của người phương Đông. Phần này, ở tầng ngoại vi tác giả nhắm vào triều đình quan lại trong xã hội đương thời, biểu thị bằng thượng giới mà vua là Ngọc Hoàng và quan lại là yêu quái. Ngọc Hoàng thể thiên hành đạo, nhưng bị bung bít bởi hàng quan lại yêu ma, nên công việc trị dân rất mù mờ. Đêm ngày chỉ lo yến tiệc, đến nỗi cả triều đình không ai biết Ngô Không sinh ra bằng cách nào, con cái nhà ai. Đến lúc nhận ra Ngô Không con người dị tướng đáng kinh khi, Ngọc Hoàng cho quân nhà trời đi trừ khử. Nhưng quân nhà Trời cũng chỉ là sản phẩm phùng nô dịch, chỉ biết giá áo túi cơm nên đánh dẹp không nổi, bèn tìm cách chiêu hồi Ngô Không về và cất đặt vào tên hầu coi ngựa. Việc cất đặt này chứng tỏ đến cả Ngọc Hoàng cũng chẳng biết của biết người (tri nhân thiện nhiệm), chỉ ưa lời nịnh hót của yêu ma bộ hạ. Việc này làm Ngô Không bất phục nhà Trời và tạo loạn ngay chốn thiên cung. Đến khi nghe tin Ngô Không đưa quân đánh nhà Trời thì Ngọc Hoàng lo xanh máu mặt, phải chạy chọt nhờ cậy đến Phật tổ mới trị được Ngô Không ! Thì ra Ngọc Hoàng cũng là người đã lợi dụng quyền Đạo để lấn quyền Trời!. Và khi nhà Phật vì quyền lợi làm như vậy thì ai cũng nghĩ rằng nhà Phật đã đi tu mà lòng còn đầy tham lam dục vọng ngoài đời . Quả thật cái cười của tác giả khá chua cay !

Chưa hết, Ngọc Hoàng là vị chúa tể, là phụ mẫu chi dân, thế mà còn bắt nhân hèn hạ, chỉ muốn mình và bầy tôi phục vụ sống sung sướng mà thôi. Chẳng hạn Ngọc Hoàng cho thi hành vụ phạt đại hạn làm chết bao nhiêu người quận Phụng Thiên, chỉ vì một việc họ đem đồ đã cúng nhà Trời phân phát chia sẻ cùng loài muông thú ăn để sống. (hồi 87). Thắng thế, triều đình của Thượng đế lại còn lợi dụng uy quyền và thói nát, cho tay chân như Thái bạch Kim cương đi làm bậy, nên đã bị Ngô Không mắng chửi thậm tệ : « Ta xem người đã già rồi sao mà nói láo quá vậy ».

Đối với Phật giáo thì trong Tây du ký còn dành cho cái cười đau như hoạn. Chẳng hạn như việc Phật Bồ tát sai yêu Toàn Trân giết chết Ô Kê và đoạt luôn cả ngôi báu lẫn vợ con, khiến Ngô Không bắt Toàn Trân hiện nguyên hình con Sư tử Long xanh, rồi hạch sách Bồ tát : « Nơi phạm tục có câu Quân tử năng dung, sao Phật tổ lại trả thù tư như vậy, khiến Sư tử Long xanh phạm đến Hoàng hậu có phải là mất phép lịch sự không ? ». Văn Thủ Bồ Tát liền trả lời : « Người nói cũng phải, nhưng Thanh sư không đong đến cung nga có đâu xâm phạm đến Hoàng hậu được, bởi nó là sư tử thiên đã lâu rồi mà ». Nghe vậy, Bát Giới vẫn không tin đến sờ bụng Thanh sư rồi cười và nói : « Thiên thật, chú này có tiếng mà không có miếng, không uống nước cũng chịu tiếng mang bầu » (hồi 39). Thử hỏi còn cái lối trào lộng châm biếm nào cho bằng được?

Tây du ký xưa nay được mọi người tin rằng có ý nhằm truyền bá đạo Phật, nhưng tựu trung lại châm biếm đạo Phật rất nhiều. Dù cho tác giả có phân biệt Tăng với Phật, nên thường nhắc đi nhắc lại câu : « Không tưởng Tăng thì cũng nên tưởng Phật ». Nếu đạo Phật được xét như đạo lý Vô Vi của Lão thì cũng đáng được hoan nghênh ; đảng này giáo hội Tăng của Phật là Hữu Vi, tham gia làm nhiều điều tội tề nên phải đã kích bằng những phá phách của Ngô Không. Đến lúc Ngọc Hoàng chịu không nổi bèn cầu cứu Phật Tổ mới trị được Ngô Không, bắt Ngô Không nhốt dưới núi Ngũ Hành những năm trăm năm. Qua hành động này chúng ta thấy Phật tổ có quyền cao hơn cả Ngọc Hoàng, như vậy thì hoá ra Phật cao hơn Trời. Đây là quan niệm sai lầm trong Phật giáo. Khi nhìn về giáo hội Phật giáo cũng đầy tệ đoan bê bối, vì cũng cho tay chân làm bậy còn hơn Ngọc Hoàng. Đếm số yêu ma của Phật trong Tây du ký tính ra còn vượt hơn cả của Thượng đế. Chẳng hạn con yêu Huỳnh Bào làm hại quá nhiều người, đến lúc truy nguyên ra mới hay đó là Đồng Tử giữ khánh vàng tại đền đức Di Lạc. Lấy cớ này, Tôn Hành Giả đã trợn mắt nói thẳng với Phật tổ : « Thiệt là báo hại tôi ! Thả gia đồng ra làm yêu quái, lại giả Phật giả Chùa. Tôi thất thoát ấy Phật tổ tránh đâu cho thoát ». Chính đức Phật tổ Như Lai thú nhận rằng : « Thực ra ba con yêu đó ta biết rồi, hai con có chủ, còn một con là

thân thích với ta » thì bị Tôn hành Giả ngẩng mặt cười khì và nói : « Ôi chao Té ra Phật Tổ lại để bà con thân thích hoá thân làm yêu ma để hại chúng sinh ư ? » (hồi 77). Đến vụ phát kinh cũng thấy ê chề thê thảm ! Trước hết là hai vị đệ tử cao cấp của nhà Phật tên là Ác Năng và Ca Nhiếp đòi tiền lễ vật : « Hay quá, đi thỉnh kinh mà tay không thì về truyền lại sao cho siêu nổi ». Câu nói xói xĩa này làm cho người đọc hiểu rằng thì ra kinh không linh bằng đồ lễ đi kèm, nên đã khiến mấy thầy trò ngạc nhiên vô kể. Đến khi Bát Giới và Sa Tăng nài nỉ mãi, hai ông đệ tử cao cấp mới chịu phát kinh, mà lại phát toàn kinh vô tự, toàn quyển sách là giấy trắng không có dấu vết lại nữa chữ. Thấy vậy, Ngô Không muốn kêu lên Phật tổ để phạt kẻ tham tài : « Thầy trò tôi trăm cay ngàn đắng, nhiều tháng lâu năm mới đến được đây để nhờ Như Lai phát kinh, thế mà Ananda và Kasyapa đòi hối lộ, chúng tôi không có thì hai người phát kinh bằng giấy trắng ». Ai ngờ Phật tổ cũng không hơn gì, Ngài cười và nói : « Chuyện đó ta đã biết rồi, hai người phát kinh không lỗi, bởi kinh ấy quý, lẽ nào thỉnh không mà được phúc. Trước đây các sãi ở nơi này có đem kinh xuống nước Xá về mà tụng cầu siêu cho Triệu trưởng gia. Nhà Triệu hoàn công chỉ có ba đấu gạo với vàng bạc chút ít, việc này ta đã nói Triệu trưởng giả bần xĩn, sau con cháu không được giàu sang. Nay thầy trò người đến tay không mà thỉnh được bao nhiêu kinh còn than thở gì nữa ». Nghe vậy thầy Tam Tạng đành dâng Phật tổ chiếc bình bát để được lĩnh Kinh hữu tự (viết bằng chữ). Hành động này trái với tánh Không của đức Phật thường rao giảng ! (Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc).

Đối với Đạo giới Vô vi của Lão tử còn bị châm biếm đã kích tàn tệ hơn nữa. Thật vậy, có gì ác nghiệt bằng như vụ con nai bạch của Nam Cực Tiên ông hoá yêu, giả làm quốc trưởng của nước Tỳ Khuru bắt hơn ngàn trẻ con để lấy tim làm thang thuốc trường sinh cho vua (hồi 79). Vì vậy, nên tại miếu Tam Thanh khi các đạo sĩ đang làm chay tế Thái Thượng Lão Quân, trên bàn thờ đầy hoa trái, Ngô Không làm gió âm âm thổi tắt hết đèn, đổ hết cả tượng, làm cho mọi người sợ hãi trốn chạy ra về. Sau đó, Ngô Không liền bắt Bát Giới và Sa Tăng vào ăn hết đồ cúng, rồi dúi đầy vào các lu vò đựng nước Kim đan. Đến khi các đạo sĩ trở lại lấy uống, và làm lạ mới hỏi nhau rằng Kim đan là thuốc tiên uống ngon lắm, cơ sao lại thấy mùi khai khai thế này ? (hồi 45). Qua vụ con trâu của Lão Quân biến ra yêu độc giác đầy quyền phép, Tôn hành Giả không thắng nổi bèn cầu cứu Như Lai Phật tổ, nhưng Như Lai không dám nói rõ, đến lúc Tôn hành Giả tìm ra được manh mối, mới trách móc Lão Quân : « Như vậy là Tôn Ông đã thả trâu ra phá Đồi, hai người cướp của, không thể tránh tội được »

Trình bày lược sơ qua như vậy đủ thấy rằng mục đích Tây du ký của Ngô thừa Ân không phải để truyền bá đạo Phật, nhưng là để đã phá những cái suy vi trái khuấy trong cả quyền Đạo và quyền Đời.

Tây du ký của Ngô thừa Ân cũng không phải là loại sách tâm lý như nhiều người nghĩ rằng vai tuồng ngài Tam Tạng đại biểu cho lý trí, còn Ngô Không cho sức mạnh. Có người nói đó là triết lý về con người như lời Phật dạy, lấy đường đi Tây phương đầy đau khổ gian nguy làm hình ảnh cuộc đời tại thế. Nhưng đó chỉ là cái nhìn ở tầm mức lý trí, chưa đạt được nhận thức thâm sâu tiềm ẩn trong đại truyện. Tác giả Ngô thừa Ân đã viết dưới sự dẫn đưa của tiềm thức cộng thông, bên ngoài cả ý thức (*xin xem bài Nói chuyện với những hòn đá cuội, Lê Hùng*). Tây du là một biểu hiệu (symbole) chứ không phải là một ẩn dụ (allégorie). Giá trị của biểu hiệu là cái gì nội khởi còn nằm ở bên ngoài cả ý thức của tác giả. Ẩn dụ là cái tác giả che dấu mà người đọc ngầm hiểu, thí dụ như việc đã kích triều đình và xây dựng văn hoá đoàn lũ, còn việc đã kích Lão Thích phần lớn là biểu hiệu để đề ra một triết lý nhân sinh quan mới.

Ấn ý Văn hoá.

Trong toàn truyện Tây du ký của Ngô thừa Ân không có một lời nào về triết lý nhà Phật, nhưng ở Hồi 1 mọi người đều thấy một con người mặt khỉ ra đi về hướng Tây tìm thuốc trường sinh và được toàn loài khỉ, từ khỉ đột đến khỉ con, đều tán tụng. Đây là dụng ý của tác giả muốn nói lên sức sáng tạo của cộng đồng đoàn lũ. Nhờ sức sáng tạo mà cộng đồng không ù lì tại chỗ, đoàn lũ thẳng tiến dần đến hạnh phúc. Nhưng thử hỏi hướng Tây là hướng nào mà cả đoàn lũ khỉ đều đặt cả niềm tin ? Nếu bảo rằng hướng Tây là hướng mặt trời lặn, thì thế giới loài người hôm nay đều biết rằng không bao giờ có chuyện mặt trời lặn, mà chỉ có mặt trời bị che khuất tầm mắt con người mà thôi. Chúng ta không thấy được những gì bên kia rặng núi, bởi lẽ ánh sáng mặt trời đã bị ngọn núi cao hay hình tròn địa cầu, chặn mất luồng nhân tuyến chúng ta mà thôi. Nói khác, Tây phương không còn được hiểu là vị trí địa dư (lieu géographique) để cho con người tìm đến đó được, mà là một điểm thần bí (lieu mystique), có thể là một đêm dài để mặt trời chuyển mình trước khi toả ánh sáng ra cho nhân loại. Cho nên câu nhật tụng trong Phật giáo sớm hôm ‘Nam mô Tây phương cực lạc thế giới đại từ đại bi A di đà Phật’, xin chúng sanh đừng nên nghĩ rằng hãy đến phương Tây và chỉ có phương Tây mới là miền hoan lạc. Điều này xưa nay đã làm nhiều người ngộ nhận, nếu không nói là mê tín, và đã tạo ra một xã hội ứ đọng sinh lầy.

Tác giả Ngô thừa Ân thấy sự ngộ nhận của con người trong xã hội u minh trước câu nhật tụng thiếu khai thị của lớp tu hành ích kỷ, (duy ngã) vô tình đã tạo ra một nền văn hoá gây ra cho đoàn ngũ con người là đoàn lũ hạ-loại (sous-homme) của lớp tầng ni. Tác giả muốn đem một vị pháp sư làm điển hình, và không ai hơn trong thời buổi đó là pháp sư Tam Tạng mà mọi người đã biết. Trước mắt Ngô thừa Ân, dù cho xã hội là toàn khỉ chẳng nữa, nhưng chính Ngô thừa Ân cũng là một phần tử trong xã hội suy vi như khỉ đó, ông tự cảm thấy có một phần trách nhiệm, nhưng trong toàn bộ truyện Ngô thừa Ân không bao giờ dùng một ngôn từ dao buá để phê bình đã phá hoặc có ý phủ nhận tiêu cực, làm nhụt chí người đọc, quả thật là một lối văn tích cực hiếm có, đáng được học hỏi. Đó cũng là sức sáng tạo loại văn hoá của người hiền (écriture du sage) nơi người phương Đông.

Từ hồi 2 đến hồi 99 tác giả Ngô thừa Ân đã cho người đọc thấy một xã hội đen tối, tôn giáo thì chỉ co mình vào hang động, tu luyện phép phù trường sinh (nên hiểu phép phù trường sinh trong tôn giáo là mọi phương tiện áp dụng bành trướng tôn giáo, dưới bất cứ hình thức nào, kể cả chuyện mua bán kiếm lời và chuyện lợi dụng quyền Đạo quyền Đời), còn con người thì mê tín dị đoan, ham nịnh hót để trục lợi, những tật xấu đó phải được đánh phá bởi chính con người mặt xấu như khỉ mà bụng dạ thì quả là bậc trượng phu. Điều càng đáng phục nơi con người Ngô thừa Ân là mặc dù quyết đã phá các tệ đoan xã hội phương Đông, nhưng thỉnh thoảng tác giả vẫn cho người đọc biết trong luân lý người phương Đông cũng có cái đáng phục, nên những ưu điểm của loài người dù mang mặt khỉ còn đáng giữ.

Chớ nên vì bộ mặt xem có vẻ xấu như khỉ đột mà khinh chê, mà vứt bỏ, bởi lẽ cái vẻ đẹp son phấn bên ngoài chỉ là tạm bợ, chính cái đẹp bên trong mà Nho đạo thường đề cập mới đáng quý, vì nó tồn tại mãi với thời gian. Chẳng hạn khi vị Tổ Sư (grand maitre) biết Ngô Không đã học được đầy đủ quyền phép có thể về cô hương để trị bình thiên hạ, bèn kiếm cớ đuổi Ngô Không trở về động Thủy Liêm đang bị yêu ma tàn phá. Thế nhưng, với Ngô Không dù lòng thương nhớ cảnh cũ quê xưa, vẫn không quên ơn vị Sư Tổ đã tận tình dạy dỗ, nên cứ nằng nặc xin ở lại để phụng thờ bên cạnh cho hợp với đạo lý làm người, quyết tâm « xin ở lại, không muốn về cứ đứng khóc lóc than van (hồi 3) ». Đây cũng là việc Ngô thừa Ân đã thấy rõ giá trị đạo làm người trong Nho giáo và gián tiếp khuyên người phương Đông đừng nên vứt bỏ. Lối truyền thông tuy mộc mạc đơn sơ nhưng quả thật là tài tình chí lý !

Chấp nhận Nho đạo, nhưng Ngô thừa Ân cũng thừa nhận trong văn hoá Nho giáo vẫn có những ù lì, bảo thủ, nên ngay hai hồi 1 và 2, tác giả đã gián tiếp bày mưu cho đoàn lũ hãy đi về phương Tây. Không nên xem phương Tây là huyền bí, là quỷ trắng mắt xanh, mà hãy nghĩ rằng nơi trời Tây đang có một văn minh đang phát triển. Nền giáo dục phương Tây sẽ là nền giáo dục mở cửa, muôn đem cái biết truyền ra cho kẻ khác, chứ không che dấu cái kỹ làm của riêng tư như nơi tinh thần văn hoá của xã hội phương Đông đương thời.

Thật vậy, tác giả đã lồng lờn thúc dục của mình vào ngay ở hồi 2 cốt truyện, khi Tôn ngộ Không mới gặp Tổ sư truyền đạo lần đầu đã có lời căn dặn : « khó nhưng có chí thì thành ». Phải hiểu rằng « đường đi khó, nhưng không khó vì ngăn sông cách núi, mà khó vì lòng người ngại núi e sông » Tôn ngộ Không ạ ! Dù cho triều đình, quan lại, ma quỷ yêu tinh, dù cho muôn vàn trở ngại về địa lý và thời khí thiên nhiên, cái thành công nhờ nơi ý chí. Suy ra, nếu con người mặt mũi đã thành công, thì chắc chắn, nếu con người mặt người có trí chí học hỏi, thế nào cũng thành nhân. Đó là nét đặc thù văn hoá về sự kiên chí của người phương Đông.

Cái nhân tính con người là phải biết trung, biết hiếu, biết bảo tồn cái văn hoá đẹp đã có trong văn hiến Đông phương. Đó là văn hoá Nho giáo của Khổng tử. Đọc đường lúc bị giam trong núi Ngũ Hành được pháp sư Tam Tạng ra ơn cứu độ, ơn ấy Tôn ngộ Không nhớ mãi, và quyết đi theo hầu phò, dù cho Thầy Tam tạng đọc mãi thần chú cho vòng Kim Cô thắt chặt đau thấu óc. Dù được dịp trở về quê hương, đứng đỉnh áo giáp về làng, để gặp lại bầu bạn xa xưa, nhưng Tôn ngộ Không vẫn cố nài nỉ được ở lại sớm đêm chăm nom Sư Tổ. Bởi lẽ bất trung, bất hiếu, lừa thầy phản bạn, cố đâm ăn xôi là không phải những nét văn hoá đặc thù của người phương Đông. Do đó, Ngô thừa Ân đã không quên ghi lại trong Hồi chót (hồi 100) bằng những câu thật đáng truy quật trong lối xử thế của người phương Đông.

- Thiệt là quái sự lắm! Hồi hôm không có giông tố, sao cây tùng ngã ngọn về Đông?

Một người học trò cũ của Tam Tạng nói rằng:

- Mau lấy y phục ra đây, đừng mặc vào mà nghinh tiếp, vì sư phụ thỉnh kinh đã về. Các sãi hỏi rằng sao mà ông biết? Người học trò cũ đáp rằng:

- Năm trước thầy đi có dặn rằng: "Ta đi không biết chừng nào trở lại, hoặc năm ba năm, hoặc sáu bảy năm, hễ ngó thấy cây tùng trước cửa ngã ngọn qua hướng Đông, thì ta đã về tới. (Hồi 100).

Vì sao cây tùng kia không ngã ngọn về phương Bắc hay phương Nam mà lại ngã ngọn về Đông? Chính đây cũng là một ẩn ý bảo rằng nơi phương Đông có tàng trữ một văn hoá đẹp, ít tìm ra ở nơi phương trời khác. Vâng, tác giả Ngô thừa Ân đã báo trước một xã hội văn minh cơ khí đã có ở trời Tây, chúng ta nên đi về Tây phương để học cái tri khoa học (savoirs scientifiques), lấy cái tri văn minh (esprit civilisant) mà bù đắp cho cuộc sống bên ngoài (la vie extérieure de l'homme). Còn cái sống xử thế bên trong của người hiền nhân quân tử, thì nên tìm ở trời phương Đông. Và chính đây là ẩn ý về triết học có dụng ý trong Tây du ký.

Ẩn ý triết lý

hay

Kinh vô tự trong Tây du ký

Muốn biết đó là nền triết lý nào thì câu hỏi đầu tiên là nhân vật nào trong Tây du ký đã làm vai chủ động? Tam Tạng hay Ngô Không ? Hiểu cách mặc nhiên thì xưa nay người đọc truyện bảo chính là ngài Tam Tạng, đến nỗi nhiều nhà bình luận trách tác giả Ngô Thừa Ân đã để Ngô Không trấn át làm lu mờ Tam Tạng, người đại diện cho thầy Huyền Trang, một nhân vật có thực trong lịch sử Phật giáo. Đó là chưa ý thức được triết lý của tác giả. Thực ra trong Tây du ký của Ngô thừa Ân, ngài Tam Tạng chỉ là một vai tuồng của tiểu thuyết, chứ không phải là thầy Huyền Trang. Ngài Tam tạng chỉ là một nhân vật tưởng tượng như ba vai Ngô Không, Bát Giới và Sa Tăng, do Ngô thừa Ân dựng nên ứng hợp cho mục tiêu nhân sinh quan của mình. Nhưng dần dà tác giả vô tình hay cố ý đã để lan sâu vào cõi tiềm thức cộng đồng của đại gia đình Văn hoá Việt tộc. Nói khác, Tam tạng không phải là nhà sư Huyền Trang, và Phật Như Lai trong truyện không phải là đức Thích ca. Ngay cả việc thỉnh kinh cũng chỉ là « cái đỉnh » để tác giả treo « cái áo » của mình, tức là những điều trong tiềm thức mà ông muốn bày tỏ gián tiếp qua câu truyện. Lý do ?

Trước hết ta thấy sách dành bảy (7) chương để giới thiệu con khi Tôn Ngô Không làm rung động cả Trời Đất, trong khi đó chỉ dành cho Tam tạng có một (1) chương. Xem thế đủ biết đâu là vai chính và chỉ có người vai chánh mới diễn đạt đúng chiều sâu của tác phẩm. Khi diễn tả hai nhân vật này, từ Chí qua Trí đến Nhân và Dũng, chúng ta thấy những trái nghịch lạ thường. Về Chí thì Tam Tạng có một vài giá trị giả tạo, như chức tước của nhà Phật ban cho người đời. Cũng như những tăng ni khác, Tam Tạng biết giữ giới với những điều răn tiêu cực như tránh đàn bà, kiêng ăn mặn, ngoài ra Tam Tạng chẳng có gì lạ lùng cả. Tam Tạng sùng đạo thật, có tri chí đi thỉnh kinh thật, nhưng Chí của ngài chẳng chút bên bỉ nào cả. Chẳng hạn trước cảnh đường xá nguy hiểm xa xôi, ngài đã lẩm lức than thở nhớ cửa nhớ nhà, ngài than thân cơ cực vì phải giải gió dầm sương mà chẳng biết ngày nào đến được Tây phương thế giới. Đi tu Phật mà cứ nghĩ đến chuyện khổ ải thì cũng là lạ ! Trong khi đó, thì Tôn hành giả phải ngày đêm bên cạnh an ủi can ngăn, xin ngài đừng nên hoài tưởng đến cố hương, vì làm như vậy thì cả đoàn sẽ không vui và thối chí. Còn xét về Trí, hễ lần nào gặp phải rừng sâu núi hiểm, thì Tam Tạng cũng chẳng bao giờ có sáng kiến mà chỉ biết nhắc đi nhắc lại một câu : « Nếu núi này cao chắc có yêu ma, các trò phải ý tứ ». Đây là lối nói của người hèn nhát khờ thật sự, hoàn toàn tiêu cực, vì « không vào hang hùm thì sao bắt được cọp » ? Và giả sử có yêu ma thì cái Trí người đại diện nhà Phật để vào đâu ? Nhiều lần Tam Tạng đã chối từ lời can ngăn của Ngô Không nên Ngài đã bị hãm hại vào vòng yêu quái. Chẳng hạn khi yêu Hồng Hải Nhi giả làm đứa trẻ tám tuổi bị treo trên cây thì Tam Tạng không biết đó là yêu quỷ và đòi Ngô Không cứu cho bằng được. Đến lúc Ngô Không can gián, thì ngài chửi bới um sùm, rồi vào huà với Bát Giới giải thoát cho yêu đề rồi bị nó bắt giam (hồi 40). Cho nên chúng ta thấy nhiều lần Ngô Không đã than vãn : « Thầy ơi, sao Thầy không biết thiết giả làm trẻ việc đi đường » (hồi 95). Còn xét đến đức Dũng thì Tam Tạng lại còn thiếu hơn nữa. Ngài là người không những nhát cáy, mà hễ động đến một tí là khóc, mắt mắt chút gì là than vãn, chỉ mất cái áo mà cả đêm Ngài ngủ không được !. Khi vừa thấy Ngô Không đập chết con hồ yêu ma thì ngài kinh hãi ngã lăn khỏi lưng ngựa. Nếu nghĩ về đức Nhân thì Tam Tạng còn tỏ ra hẹp hòi, khó tính. Khi vừa được bà Quan Âm cho ngài cái vòng Kim Cô, thì ngài tìm cách tròng vào đầu Ngô Không và niệm chú cho Ngô Không đau điếng, vật mình vật mẩy, để sai khiến cho bằng được. Khi mất ngựa ở suối Đông Hâu, thì ngài thở vắn than dài rằng làm sao mà đi đến Thiên Trúc bây giờ ?. Thấy vậy, Ngô Không bèn thưa : « Xin Thầy yên tâm ngồi chờ đây để tôi đi tìm ». Thế mà ngài vẫn không yên tâm lại còn mắng mỏ Ngô Không chẳng tiếc lời : « Để ta một mình , yêu đến bắt ta ăn thịt thì sao ? ». Tôn hành Giả bèn nổi xùng : « Rất khổ tâm với Thầy, ngựa thì muốn cưỡi mà người chẳng cho đi, ha lẽ hai thầy trò ngồi đây mà chịu chết sao ? (hồi 15).

Ngài Tam Tạng trong truyện Ngô thừa Ân chỉ có đức từ bi ủy mị ở trình độ xúc cảm, nghĩa là không đạt được trình độ trí tuệ hướng dẫn và dừng cầm đi kèm. Đó là thứ từ bi bám sát vào

hiện tượng, nên hệ động vào đâu là gây tai hại đến đó. Hãy xem Ngô Không nói : « Xin Thầy thấu thứ từ bị đó lại đi » (hồi 27). Trong đoàn chỉ có Ngô Tĩnh là khá nhất vì ông đại diện cho các mẫu Thầy Chùa chân chính tu hành : « Thầy nghe lời xua nịnh của Bát Giới, được chim bĩ nã, được cá quên nơm, sai khiến người như sai khiến súc vật, thì sao gọi được là kẻ tu hành minh chính » (hồi 27), nên được Tam Tạng đặt tên là Sa Tăng, một đại biểu cho hàng tông đồ cấp nhỏ, không bị quyền bính trần tục làm hư hỏng, nên giữ được khá nhiều lương tri, có được đời sống bình hành. Còn Tam Tạng thì biểu hiệu cho Hữu Vi, kênh còi rắc rối, thai phàm xác thịt, chỉ bám nhờ vào giáo hội, nhờ tiếng tu lâu được chức cao rồi lên mặt với Ngô Không.

Thực ra toàn truyện, Ngô Không đã đóng vai chủ động, một vai quân tử cốt cách nho phong. Chẳng hạn khi gần đến sông Thông thiên thì Tam Tạng buột miệng hỏi : « Ta sẽ đi đâu mà ngủ đêm ? » thì Ngô Không đã trả lời : « Thưa Thầy đó là câu hỏi dành cho người tầm thường, chứ những người hành hương như ta không nên nhắc đến ». Tam Tạng hỏi lại : « Khác nhau chỗ nào ? » Ngô Không liền trả lời : « Người thường vào giờ này thì hủ hỉ với vợ con trong giường êm nệm ấm, nằm ngời thoải mái, muốn sao được vậy. Người hành hương đâu có quyền đòi hỏi như vậy, gặp được trăng sao thì phải đi, phải biết dầm sương giải nắng suốt dọc đường trường ». Đến lúc thấy núi Linh Sơn chính cống mà Tam Tạng cũng chẳng biết, phải chờ đến Ngô Không nhắc nhở mới biết mà lạ : « Thầy thì cứ đâu lạ đó, nay đã đến núi chính thánh thiết lại ngồi ì trên ngựa là sao ? »

Sở dĩ con người xưa rày không nhận ra được Ngô Không là vai chính, làm thiên thần hộ mạng cho Tam Tạng, là vì tâm thức con người bị vương mắc trong Hữu Vi sắc tướng, coi trọng Tăng ni mà khinh thường xác thân khi đột. Con người không để ý đến linh hồn Ngô Không, không để ý đến tên Ngô Không, không bao giờ nghĩ đến « cái đỉnh » của bộ truyện là thỉnh được « bộ kinh vô tự ». Tất cả giá trị nằm trong chữ Không (vô) đó.

Tam Tạng biểu thị của đám thượng tầng cấu trúc xã hội đã bám vào hình danh sắc tướng biểu thị bằng tụng « kinh hữu tự » (có chữ viết), thì dù có tụng nát cả ngàn quyển, gõ bễ cả trăm mõ chiêng cũng không thể nào siêu thoát được.

Dụng thể triết lý trong danh xưng .

Khi nhận ra được vai chủ động rồi và muốn tìm đến khuôn mặt triết lý thì chỉ cần xem đến danh hiệu xưng hô của Ngô Không là đủ. Bởi lẽ, người xưa Danh là Tánh, cứ phân tích danh hiệu một người là biết ngay bản tánh của người đó. Nói khác, tức là biết nền triết lý đó. Vì vậy chúng ta hãy thử đi vào trong ba cấp danh xưng: TềThiên, Đại Thánh và Ngô Không có ẩn ý triết lý gì ?.

A.Dụng thể danh xưng Tề Thiên.

Tề (bằng nhau) Thiên (trời) có nghĩa là ngang hàng với Trời. Điều này được biểu lộ ngay ở sự xuất hiện độc lập của Tôn hành Giả. Chính Ngọc hoàng của Trời cũng không hay biết ai sinh ra con khi đột Ngô Không này. Tác giả chỉ giới thiệu đây là sức nóng lạnh của nhật nguyệt lần lần tụ tinh thành một trứng đá, trong lâu năm trứng đá đó đã tượng hình, rồi gặp một trận gió lớn nở ra một con khi đá giống hệt con người, chỉ đặc biệt có cặp mắt « sáng rực như hai ngôi sao Bắc đẩu ».

Đang lúc ngự tại Linh tiêu, Ngọc Hoàng thấy hào quang từ địa giới chiếu lên, bèn đòi các thiên thần đến chất vấn : « Lúc này nơi trần gian có xảy ra chuyện chi ? Có sao lại có hào quang chiếu sáng chói ? » Trong triều đình các thiên thần đều ngơ ngác và chẳng ai biết chuyện gì đã xảy ra. Ngọc Hoàng liền sai thần mắt Thiên Lý Nhân và thần tai Thuần Phong Nhĩ ra cửa trời xem và được biết đó là mắt của một con khi đá. Ngọc Hoàng bèn ra lệnh tiêu diệt ngay luồng nhân khí làm choáng mắt đó, nhưng trong đám quần thần chẳng ai tiêu diệt nổi.

Đến đoạn Ngô Không chọc trời khuấy nước, xuống tận Long Vương nơi Đông Hải để mượn khí giới. Sau khi thâu được cây Như Ý Kim Cô bổng liền vào điện Sum La đánh đập Thần Chết, và buộc Diêm Vương phải đem sổ khai tử ra để xóa tên mình. Vì vậy Diêm vương và vua Thủy tổ liền kiện lên Trời, xin Ngọc Hoàng phái quân nhà trời xuống đánh, nhưng khi quân nhà Trời bị thua, nên bó buộc phải nhận con khi đá với chức tước Tề thiên (ngang hàng với Trời). Đoạn Ngọc Hoàng ra lệnh xây nhà cho Ngô Không ở luôn trên thiên cung với hy vọng dần dà triều đình có thể đưa Ngô Không rập vào khuôn phép của nhà Trời. Nhưng sự tính toán này chỉ uống công, vì Ngô Không nhờ có dịp ở thiên giới, nên đã ăn trộm được bàn đào của Tây vương mẫu, uống cạn rượu tiên và ăn luôn cả thuốc trường sinh của Lão tử. Và cuối cùng còn đòi Ngọc Hoàng nhường chức cho mình. Sợ mất chức, Ngọc Hoàng nhờ đến Lão quân dùng phép bắt Ngô Không bỏ vào lò Bát quái nấu cho rục xương, nhưng sau 49 ngày trong lò, Tề Thiên vẫn chỉ đồ đôi mắt vì quá nhiều khói. Vừa mở nắp Ngô Không cứ nằng nặc đòi chiếc ghế của Ngọc Hoàng cho bằng được. Túng quá, Ngọc Hoàng phải đến cạy nhờ Phật Tổ bày mưu đánh lừa để Ngô Không dưới núi Ngũ Hành những mãi năm trăm năm, đợi khi Tam Tạng đi thỉnh kinh ghé qua gờ buà cho quý y để theo hộ vệ suốt đường đi đến Tây trúc.

Phải nhận rằng danh hiệu Tề Thiên ăn khớp với mọi tác hành lớn lao có tầm mức vũ trụ. Chính Tề Thiên đã từng nói : « Tại bên tả ta nghe được những chuyện ở trên Trời, tại bên hữu ta nghe được những chuyện ở dưới Đất ». Ngô Không cũng đã có lần nói với Tam Tạng : « Việc lập bể và trời tôi còn làm được, huống chi là hú gió cầu mưa ». Có lần Sa Tăng hỏi đường lên Tây bộ còn bao xa, thì Tề Thiên trả lời : « Đường đi từ Tây bộ đến Đông bộ cách xa mười muôn tám ngàn dặm, nay đi mười phần mới được một ». Bát Giới liền hỏi : « Biết đi mấy năm cho tới ? » thì Tôn hành Giả trả lời : « Nếu như hai em thì đi chừng 10 ngày. Ta thì trong một ngày vừa đi vừa về 50 lần. Còn như Sư phụ thì ôi thôi hết trông hết đợi ». Nghe vậy Tam Tạng liền cất vấn : « Ngô Không người nói ta đi mấy mươi năm mới tới ? » thì Tề Thiên liền thưa : « Thầy đi từ nhỏ tới già rồi trở lại đi nữa, cứ thế phải mất ngàn kiếp chưa chắc đã đến Tây phương, nhưng lòng thành thì ngó thấy Tây phương cũng gần ».

Vấn đề đặt ra là « đã bằng Trời » (Tề Thiên) thì vì sao lại có cảnh Trời Phật thường cầm giữ tiếp cận Ngô Không? Thưa vì Tề Thiên chưa nhận ra được triết lý « vạn vật nhất thể », mình phải biết « hoà hợp với Trời », mình là con của Trời, mình là một tiểu Thượng đế nên phải xuống trần gian để dạy con người học bài tiến hoá. Nhưng rồi Tề Thiên đã mê trần, nhiễm trần, học đòi trần tục khai thác chân lý theo chiều sân hận, theo kiểu vô minh, để cố ăn thua với Trời. Những lỗi lầm của Tề Thiên là lời cảnh cáo gửi tới các vị tu hành lãnh đạo các tôn giáo chớ bao giờ kiêu ngạo, phải nhớ đường tu còn dài, và luôn luôn phải kiên trì khiêm tốn (sympathie). Ngay Ngọc Hoàng cũng còn đầy giới hạn. Quả thật thái độ của Ngọc Hoàng như mắng Trời chưởi Phật, trách Lão quân là ngang tàng. Có lần Tề Thiên đã dám bảo bà Quan Âm là nham hiểm : « Đã hứa đi hứa lại là sẽ bảo trợ cho Thầy trò trên đường đi thỉnh kinh, vậy mà có lần xúi bẩy yêu ma làm hại chúng ta, lời nói như vậy tin sao được. Chả trách suốt đời chỉ là một gái ngỗng chống mông gào công » (hồi 35) No wonder she will remain a spinster all her life, bản dịch của C.T.Hsia trong The Classic Chinese Novel trang 136). Không bằng Trời (tề thiên) thì làm sao dám đưa lời dạy dỗ kẻ khác như vậy ?

B. Dụng thể danh xưng Đại Thánh.

Theo đồng văn lớn của Việt Nho thì Đại thánh có nghĩa là Đại thành, tức là thành nhân (grand sage), là Tác nhân, là Tác giả, là con người biết tự chủ mọi hành động của mình. Nếu quan sát trình sử loài người, ta thấy tất cả mọi thứ đều do con người làm ra cả. Con người làm để thành nhân, gọi là triết nhân, (sage), là thánh. Cho nên Thánh tức là Thành. Chỉ có minh triết (Wisdom) mới giúp con người trở nên Chí Thánh. Điều càng chú ý là chữ Thánh ở đây không phải là chữ Thánh theo nghĩa của tôn giáo. Chữ Thánh của Tôn giáo bắt từ về thời gian biệt lập, không có không gian đi kèm, nên không có tánh cách vũ trụ, tức là lớn lao như Trời và Đất. Chữ Thánh trong tôn giáo là Hữu thể (un corps existant), tức là chỉ có Tiểu ngã, chứ không dụng ý như Thân vô thức, tức là không có Đại ngã. Nói khác, Thánh không thể mang mẫu ý thức bằng Trời, nên không thể nào trở nên Đại Thánh cả. Đại Thánh là phải biết thấu hoá chứ không được kèm kẹp hủy diệt (la sagesse incorpore au lieu de détruire). Những người theo lối tu hành thánh giáo tiêu cực như Ngài Tam tạng cho rằng muốn « cứu hồn phải cho teo xác lại », mà không hiểu rằng khi « xác càng teo thì hồn càng phòng lớn ». Vì vậy nên đã bày ra đủ thứ cấm kỵ như ăn chay, kiêng cử đàn bà. Trái với Tề Thiên Đại Thánh tu thân theo lối « mậu thân », tức là làm cho tươi tốt bề ngoài Tiểu ngã, và luôn cả bề trong Đại ngã.

Ngộ Không đã thực hiện được vòng ngoài Tiểu ngã, khi dám nhảy xuống biển làm vua, tự xưng là Mỹ Hầu Vương, nhưng vòng trong Đại ngã thì ra sao ? Ngộ Không phải đạt tới trường sinh bất tử. Điều này bắt Đại Thánh phải bỏ Thủy liên động để đi tìm Tổ sư (grand master) làm thầy dẫn đường đến Chí Thánh hầu đạt cho được Đại ngã. Thế rồi Tề Thiên lặn suối trèo non, cố vượt qua hai đại dương đến nhiều động Tiên và cửa Phất cố tìm Thầy, nhưng than ôi đi mãi mà chỉ gặp toàn bọn đồ danh mưu lợi không hề biết Đạo là gì ? (hồi 16). Mãi sau 9 năm trời ròng rã mới tìm ra được Thầy ở núi Linh đài Phương thôn, tức là Tâm đạo Vô vi, vượt qua khỏi Hữu vi sắc tướng. Tại đây Thầy thấy Ngộ Không có khiếu thông minh vượt bậc, liền kê ra các môn cao học cho Tề Thiên tự lựa chọn. Nhưng Tề Thiên chỉ xin học môn nào cho phép mình được sánh cùng Trời và Đất. Tổ sư kể rất nhiều phép lạ, nhưng Ngộ Không đều từ chối, cuối cùng đến phép lạ đạo Tiên gồm có 36 phép thiên can và 72 phép địa sát, thì Ngộ Không liền xin học 72 phép cuối cùng này. Ròng rã suốt 4 năm, Ngộ Không đã luyện tập phép mầu thông thạo. Quả thật « Tổ Sư mong được người học trò phi phạm tuyệt thế » (hồi 29) . Nhờ vậy mà trong cuộc hành trình lâu dài Ngộ Không thường chiến đấu với đủ loại yêu ma bằng cách khi biến thành con ve, khi thành con chim, khi thành con kiến, khi hoá ra hàng trăm Ngộ Không khác. Ngay cả lúc bị Lão Tổ bắt nung trong lò Bát Quái 49 ngày vẫn không chết mà cứ khư khư đòi Ngọc Hoàng nhường ngôi, cho nên Thích Ca cười và bảo : « Chẳng qua người chỉ là một con khỉ đột thành tinh sao dám lớn mộng cướp ngôi Trời. Vì Thượng Đế tu đến một ngàn năm trăm năm chục kiếp, mỗi kiếp có nhiều vạn năm, còn người tu luyện bao nhiêu lâu mà dám dành ngôi báu ? » Tề Thiên vẫn ngang nhiên nói : « Đi tu nhiều để rồi làm vua cho được lâu sao ? Hễ thiên địa tuần hoàn thì ngôi báu cũng phải thay đổi. Người mau bảo Hoàng Đế nhường ngôi, bằng không thì ta phá nát cả thiên cung ». Việc đòi hỏi của Tề Thiên nói lên cái triết lý Tác hành, lúc nào cũng tôn trọng sự biến động như trong triết lý Kinh Dịch của Việt tộc. Quả thật là tuyệt tác !

C. Dụng thể danh xưng Ngộ Không.

Đây là cái tên mà vị Tổ sư đặt cho Tề thiên và được Ngộ Không luôn luôn nắm giữ. Sau này Tam Tạng đã nhiều lần muốn đặt tên là Tôn hành Giả đều bị Ngộ Không từ chối, viện cớ rằng

đã có tên rồi. Thực ra chữ Hành Giả chỉ quảng diễn ở tầng tác động (mouvement), còn chữ tác hành (agir) đã nằm sẵn trong Đại Thánh. Nay muốn ngang bằng Trời thì trong danh xưng tên đã có chữ Không làm phương tiện đúng như trong triết lý đặc trưng của nền triết lý Đông phương Việt Nho và Ấn độ. Vậy thế nào là Không trong triết lý phương Đông?

Ấn độ hiểu chữ Không ở cấp siêu hình, đó là cái Không Không (neti neti), mà nhà Phật diễn giải bằng Thái hư, Tào diễn là Sắc sắc Không không. tất cả đều thuộc về sự vật. Đó là cái “vô thể” đối diện với cái “hữu thể”, cái ontologie trong siêu hình nơi người Tây phương. Cái hữu thể này đặc sệt hữu vi tính, nên được liệu lý bằng những nguyên lý của sự vật im lìm bất động, tức là nguyên lý đồng nhất A bằng A. Đây là vô tình giam giữ triết học nhân sinh nằm lại trong cái bầy nhầy tai hại.

Triết Ấn độ chối bỏ Hữu vi để đặt cược trên Vô thể, nhưng lại vấp phải cái Vô thể giả hiệu (le néant trompeur), bởi lẽ khi cho rằng đó là Vô thể trung thực, tức đó là Chân không, mà Chân không thì sẽ Diệu hữu, nhưng đây lại không có Diệu hữu, nên buộc ta phải kết luận là cái Không đã thiếu chân thực, tức là cái Không giả tạo, nó đã nằm cùng bình diện với cái Có, nó thành cái Không đối kháng, tức là cái Không Có ở ngay trong cái hình danh sắc tướng giống y chang như cái Có vậy. (không-không A, non-non A).

Triết lý tánh Không của Phật giáo là Thái Hư, nhưng trong thực tế toàn là tụng kinh hữu tự, kinh theo sách vở đã chép ra, ê a chuông mõ, nghi lễ rành rang, thì linh hồn bị trì kéo xuống còn gì!. Bám vào cái có trước mắt để diễn tả cái không có, chỉ bằng dùng nên diễn tả cho sự vật được hiểu như là vậy. Vì thế cái Không của Phật giáo cũng giả tạo, không thể giải thoát linh hồn tiêu diêu nơi cực lạc tây phương được. Tam Tạng là biểu hiệu của nhà Phật, tức là của Thái Hư, nhưng đi đâu Tam Tạng cũng có giữ chiếc vòng Kim cô của bà Quan âm để treo lên đầu Ngộ Không cho dễ sai khiến, có nghĩa Phật giáo của Như Lai đã bám vào cái hữu hình để cưỡng hành (forcer), giam hãm con người nằm mãi trong cõi hiện tượng (univers existant), không bao giờ siêu thoát được. (Nhắc lại vụ Ngộ Không cho đá vào các bình rượu là hành động đã phá những ý niệm này).

Đã giải thoát được tâm hồn, tức là đã đạt tới cứu cánh hạnh phúc con người, thì nhân loại buộc phải có một triết lý nào đó để khoả lấp cái hố sâu giữa hai nền Triết lý Hữu Vi và Vô vi. Chính là triết lý An Vi mới làm được công việc đó. Lúc đó, con người Vô vi không hiểu theo kiểu siêu hình của Hữu thể học của Tây phương, nhưng hiểu là Hư Tâm, nói theo Đạo Trống của Việt tộc là làm cho Tâm hồn trống rỗng. Có như thế, lúc đó tâm hồn con người không bị cản trở bởi những mệnh lệnh hữu vi và từ đây cái tánh bản nhiên con người (Linh thể) được phát ra cách trong sáng. Ví như con đường của Ngộ Không bị cản trở bởi yêu ma đủ loại phát xuất từ Đất, từ Trời, từ Tiên, từ Phật, đã ngăn cản hai thầy trò không đến được núi thánh Linh Sơn. Trong thực tế, những yêu ma đó là những câu chấp, những thành kiến bé nhỏ, những tư kiến tư dục. Nói khác, đó là hai chương ngại thuộc loại bái vật (tâm) và ý hệ (lý) mà con người có thể tránh được, khi con người biết thế nào là An Vi.

D. Dụng thể xuất xứ nhân vật

D.1. Với xuất xứ Ngộ Không.

Nhiều người đọc Tây du ký rất thích Tôn Ngộ Không, nhưng đôi khi trách Ngộ Không tánh khí quá ngang tàng. Người khác thì vui cười và coi đó là lối trào phúng vui nhôn, chứ chẳng

cần để tâm đến các điều tàng ẩn bên trong. Thực ra cái ngông của Ngô Không khá đặc biệt mà xưa nay ít ai để tâm xét tới. Để thấy điều đó, chúng ta sẽ lần lượt xét qua nơi địa bàn xuất xứ và cung cách phát xuất các tác động của nhân vật Tề Thiên trong truyện.

Trước hết, Ngô Không xuất xứ ở biển Đông trong nước Ao Lai. Mà chữ Lai có nghĩa là Lạc, có liên hệ đại tộc trong huyền sử như Di Lai, Di Việt, Lạc Việt. Vì vậy nên nói Ao Lai cũng là cách diễn tả Ao Lạc, hay Ao Việt, hay Việt Trì, đều nằm trong miền có đảo gọi là Bồng Lai. Ngô Không xưng vương ở Thủy Liêm động chẳng khác nào như Lạc Long quân ở dưới Thủy phủ. Ngô Không còn là lân bang với Long Vương, nơi Lão Tôn mượn được cây Kim cô thiết bồng, mà Long Vương và Lạc Long quân đều cùng mang họ Long trong huyết tộc Việt.

Còn xét về cung cách xuất hiện thì Ngô Không chẳng khác nào ông Bàn Cổ thủy tổ cơ sở của Việt tộc. Cả hai đều độc lập, không cha không mẹ. Ngô Không do tụ khí đá trời đất sinh ra, còn Bàn Cổ thì có câu: *“Hỗn mang chi sơ, vị thân thiên địa, Bàn Cổ thủ xuất, thủy phân âm dương”*. Cả hai đều tự cường tự lực, đến nỗi việc sinh ra cũng như tự sinh, đến lúc đi học thì chuyên chú về Trời Đất âm dương. Đặc biệt cái tinh hoa được kết đúc theo cơ cấu gọi là Huỳnh Đình, như trong câu *“Gặp tiên thỏ thẻ đôi lời, Đâu nơi cực lạc đâu nơi Huỳnh Đình (hồi 1)”*.

Chữ Đình đây cùng một nghĩa với Động Đình Hồ, chỉ cái Nhà hay cái Động rộng. Còn Huỳnh là do chữ Hoàng đọc chại đi, có nghĩa là trống rỗng như trong cung Ngũ Hành, còn gọi là Ngũ Hoàng Cực, nên Huỳnh Đình có nghĩa là Nhà Rỗng, vì nó nằm ở hành ngũ có tên là Huỳnh Vô Địa, tức là trống rỗng chẳng có đất đai. Từ đây suy ra có liên hệ đến máu mủ hàng dọc với chiếc Trống Đồng ở chỗ Trống và Rỗng. Ông thầy dạy Ngô Không tự xưng là “câu bồ đề”, mà hai chữ “bồ đề là ngộ”, và “câu là tất cả”, có ý nói là vị sư tổ hiểu hết tất cả đức Trời và đức Đất.

Trong Lão Tôn đức Đất được biểu thị bằng cây Kim Cô Bàng rút ra từ lòng biển Đông, còn đức Trời là được ăn uống những thứ quý nhất trên thiên đình, như bàn đào, kim đan với thuốc trường sinh bất tử, cho đến khi cần thì có quyền bắt Trời nhường ngôi. Việc này chẳng khác nào như ông Bàn Cổ tự tay sắp đặt cả Trời Đất.

Ngô Không đã từng trách Phật tổ lẫn Lão quân và giết chết biết bao ma quỷ, chẳng khác nào như Lạc Long quân đã giết hồ tinh, ngư tinh, mộc tinh. Ngô Không còn tỏ ra mình là anh em với Hùng Vương, vì cũng có sách ước 72 phép thần thông biến hoá và chiếc gậy thần Kim Cô Bàng đủ sức vươn lên tận Trời hoặc rút nhỏ lại bằng chiếc kim. Cả 2 Sách ước và Gậy thần đều phát xuất ở kinh Dịch, một cuốn kinh duy nhất không chữ viết gọi là Kinh Vô Tự (bible sans écriture) trên cõi trần tục này.

Vì những lý do đó, chúng ta thấy Ngô Không chẳng khác gì hơn là Hồn Triết gia, da của Ông Trường (khi sống lâu gọi là ông Trường). Đây là con cháu của những ông chống Trời được diễn giải trong một số nhân thoại mà dân gian thường nhắc tới như các tên Bàn Cổ, Toại Nhân, Phục Hy, Nữ Oa, Lạc Long Quân, Hùng Vương, Tân Viên, Thánh Gióng. Đó là những mẫu người có số kiếp xuất hiện Không Cha Không Mẹ Không Trời Không Đất, hàm chứa những việc có tầm mức lớn lao như vũ trụ.

D.2. Với xuất xứ tác giả.

Nay thử xét sơ qua xuất xứ tác giả Tây du ký thì biết rằng Ngô thừa Ân là người ở đất Giang Tô, nằm trong nước Ngô, đời Chiến quốc bị Việt Câu Tiễn cho sát nhập vào với Việt Chiết Giang. Mà Việt Chiết Giang là một mảnh đất còn sót lại từ miền mệnh mong của Việt tộc khởi từ vùng Bộc Hải của Bách Bộc, một tên gọi của Bách Việt, bao lấy Sơn Đông và Châu Tô, nơi có núi Đồ Sơn, quê hương của Nữ Oa, và bà vợ Việt của ông Đồi Vũ, rồi duỗi chân vào Đông Đình Hồ, Kiến phúc cho tới Quảng đông, Quảng tây, Việt nam ngày nay. Dãy đất mệnh mang đó đã sản xuất ra một nền triết lý được vạch sẵn trên Trống Đồng của Việt tộc, một nền triết lý Ngông, biết chông cả Trời lên mà thờ.

Nhưng tại sao “Ngông” là một triết lý? Và “Ngông” đem lại cho dân tộc một ơn ích nào? Theo Kim Định thì cho rằng cứu cánh con người là đạt được đọt Ngô Không thì mới thấy hạnh phúc, tức là giác ngộ được cái “Không Chân Thực” vì đó là con đường dẫn đến “Diệu hữu”, mà dấu chấm phá hiện ra bên ngoài là sự hạnh phúc của Tiểu ngã, còn cái khả năng Ngông bên trong là Đại ngã. Nói khác, cái Ngông là ánh linh quang trong tâm hồn con người có sứ mạng phải làm cho sáng tỏ để nó chiếu giải ra, lan rộng ra mãi mãi hầu mở một chân trời cho tâm thức nhìn ra được những chân lý phi thường.

Những hữu diệu của Trời Đất chỉ hội tụ ở Chân Không tạo nên bản chất của con người đại ngã tâm linh, vô sắc vô tướng, chẳng khác nào như Kinh Vô Tự mà Việt lý gọi là Ba Hồi Trống Thu Không, một hành động ẩn dụ trong cử chỉ của vị Sư Tổ khi chỉ muốn dạy cho một mình Tề Thiên phép tắc bằng cách: “gõ đầu Ngô Không 3 cái, chấp hai tay sau dít, quay vào phòng đóng cửa lại (hồi 2)” và chỉ có Ngô Không mới hiểu cử chỉ của Thầy dặn rằng đến canh ba, hãy lên vào cửa sau, rồi vào trong phòng của thầy để thầy truyền phép. Đó là cái Học Vô Tự Ngôn cao nhất, bài học không biểu lộ bằng lời nói mà chỉ nằm trong 4 loại học gọi là Thuật, Lưu, Kinh, Động. Ấy chính là cái triết lý Ngông của Ngô Không, là sơ nguyên tượng của nền triết lý Việt Nho, mục đích nhằm cải đổi văn hoá Phật giáo trong những bước cuối cùng và tế vi nhất. Nhờ cái Ngông đó con người mới vượt ra khỏi những loại kinh hữu tự, đêm ngày chỉ nhìn theo khuôn rập trong chữ có sẵn. Có như vậy, con người mới có thể bước vào loại kinh vô tự, tư duy trôi chảy, vượt giai đoạn tĩnh thiền (ngồi một chỗ) sang giai đoạn hành thiền (đi lại tự do), con người vượt giai đoạn bị quan tiêu cực để đến giai đoạn dân thân vào đời cách an vui hí lộng.

Nếu bảo rằng sử trình văn hoá loài người là chống lại những quan niệm sai lầm về thần linh có tính cách làm ngáng trở sự tiến hoá con người đoàn lũ, thì triết lý trong Kinh Vô tự mà người chuyên viên Kim Định đã thấy trong Tây du ký của Ngô thừa Ân là nền triết lý quyết định vận mệnh con người qua ba chặng đường **Bái vật, Ý hệ và Tâm linh**. Hôm nay Kim Định đang cổ vũ chúng ta nên đọc loại kinh vô tự để tự giải phóng cho mình.

Việc phân tích trong 3 phần của Kinh Vô Tự có liên hệ mật thiết với triết lý Việt Nho trong kinh Dịch là để hiểu rằng con người chúng ta có một địa vị trong trời đất, và không nên đánh mất địa vị vị đó. Con người nói chung là Tề Thiên, Tề Địa như trong học thuyết Tam Tài từng nói lên cái bình đẳng Thiên-Địa-Nhân. Nhưng đây là phần triết lý đã có lời giải, đã có ấn phẩm chứng minh của Lương kim Định trong tủ sách triết lý An Vi (tủ sách An Việt- Houston) nói về con người toàn diện. Việc đó người viết xin nhường lại trong dịp khác.

Lê Hùng , Bruxelles (kỷ niệm lễ Ascension 2004)